
Bản án số: 14/2018/HSST
Ngày 07/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Phương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Thư

2. Ông Hoàng Ngọc Năm

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hoàng Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên toà:

Ông Lê Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Hoàng Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2017/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXSST-HS ngày 26/1/2018 đối với bị cáo:

Lê Hữu T; Sinh năm 1981; STQ: thôn P, xã L, huyện H, tỉnh T; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Hữu T và bà Lương Thị S; có vợ là Lưu Thị N, có một con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/8/2013 bị TAND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”, Ngày 18/2/2016 bị TAND quận Hoàng Mai xử phạt 04 tháng 03 ngày tù về tội “Đánh bạc”; Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 07/11/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Những người bị hại:

1- Chị Lương Thị H, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh T.

2- Chị Khương Thị T, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã V, huyện L, tỉnh T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Trần T, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện H, tỉnh T.

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Hoàng Hóa, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 26/5/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Hóa nhận được đơn tố cáo của anh Lê Văn K ở xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa về việc ngày 10/4/2017 Lê Hữu T, sinh 1981 có hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 36M5-00683 của anh. CQĐT- CAHH tiến hành xác minh chứng minh hành vi phạm tội như sau: Vào tối ngày 09/4/2017 Lê Hữu T đến nhà anh Lê Văn K chơi và ngủ lại qua đêm. Khoảng 04^h ngày 10/4/2017 T nói với anh K sáng mai đánh thức T dậy cho T mượn xe mô tô để đi đón bạn gái ở Miền nam về, anh K đồng ý và sáng dậy anh K đưa xe và chìa khóa xe mô tô BKS 36M5-006.83 cho T mượn và hẹn 11^h30' về trả xe, sau khi mượn xe Lê Hữu T đi lên thành phố Thanh Hóa đến trưa ngày 11/4/2017 T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đem xe đến nhà anh Lê Trần T ở xã N cầm cố xe mô tô BKS 36M5-006.83 lấy 20.000.000 đồng và hẹn 03 ngày sau đem đến lấy xe về. Do quen biết nên anh T đồng ý đưa tiền cho T và để xe lại làm tin. T mang số tiền trên đi chi tiêu cá nhân. Đến hẹn không thấy T trả xe anh K liên lạc điện thoại với T nhưng T không trả lời. Ngày 26/5/2017 anh K đã làm đơn gửi CAHH tố cáo hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Lê Hữu T.

Theo báo cáo của anh K chiếc xe mô tô BKS 36M5-006.83 bị T chiếm đoạt là của chị Lương Thị H em dâu anh K cho anh K mượn để đi lại. Theo báo cáo và lời khai của chị H chiếc xe trên chị mua vào tháng 8/2014 trị giá 40.000.000 đồng.

Sau khi vụ án xảy ra Công an Hoàng Hóa đã thông báo truy tìm vật chứng, đến ngày 30/5/2017 Lê Trần T ở xã N đã giao nộp chiếc xe mô tô BKS 36M5-006.83 kèm theo giấy vay tiền cho CQĐT để tiến hành định giá tài sản.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 161 ngày 06/6/2017 chiếc xe mô tô BKS 36M5-006.83 trị giá 20.000.000 đồng. Sau khi định giá CQĐT-CAHH đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Vụ thứ 2: Trong thời gian bỏ trốn khỏi địa phương vào ngày 27/4/2017 Lê Hữu T liên lạc với chị Khương Thị T ở thôn 2, xã V, huyện L, tỉnh T là bạn gái xuống huyện H chơi chị T đồng ý và đi xe mô tô BKS 36L6-029.79 từ huyện V, tỉnh T xuống huyện H cùng Lê Hữu T, T đưa chị T vào thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ A ở xã M, trong quá trình sinh hoạt tại nhà nghỉ A đến ngày 04/5/2017 Lê Hữu T mượn xe mô tô BKS 36L6-029.79 của chị T nói đi công việc, chị T đồng ý giao xe cho T, khi đi đến xã N, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô BKS 36L6-029.79 của chị T, T gặp Lê Văn T ở xã N. Lê Hữu T gọi T lại hỏi ở đây có nơi nào cầm đồ và T dẫn Lê Hữu T đến nhà anh Nguyễn Văn Đ ở xã N và T đi về nhà, Lê Hữu T gặp anh Đ nói là cho cầm cố chiếc xe và kèm theo giấy tờ và nói là xe của vợ nên anh Đ đồng ý cho T cầm đồ lấy 47.000.000 đồng để đi tiêu xài cá nhân và bỏ trốn khỏi địa phương, đến hạn chị T gọi điện cho T hỏi xe nhưng không liên lạc được. Đến ngày 02/6/2017 chị T đã đến Công an Hoàng Hóa tố cáo hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Lê Hữu T. Theo báo cáo của bị hại chiếc xe mô tô SH BKS 36L6-029.79 mua vào 29/10/2015 trị giá 75.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ chiếc xe mô tô BKS 36L6-029.79 do anh Nguyễn Văn Đ giao nộp kèm theo phiếu khế ước cầm đồ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 160 ngày 06/6/2017 chiếc xe mô tô BKS 36L6-029.79 trị giá 63.000.000 đồng. Sau khi định giá CQĐT0-CAHH đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Sau thời gian bỏ trốn đến ngày 07/11/2017 Lê Hữu T bị CQĐT-CAHH bắt giữ theo quyết định truy nã số 11 ngày 14/06/2017 của CQĐT-CAHH tại CQĐT Lê Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 23/CT/VKS - HS ngày 26/1/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hoá truy tố bị cáo Lê Hữu T tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX :

** Áp dụng: điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999, điểm p khoản 1, Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 04 đến 05 năm tù; Hình phạt bổ sung: Phạt 10.000.000đ(mười triệu đồng); Về dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên không xét; Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Lê Hữu T phải bồi*

thường cho anh Lê Trần T số tiền 20.000.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 47.000.000 đồng. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 3.350.000 đồng APDS. Về vật chứng : Tuyên trả lại cho bị cáo giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Hữu T

Bị cáo Lê Hữu T trình bày lời nói sau cùng: Xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, VKSND huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của bị cáo Lê Hữu T: Tại phiên tòa bị cáo Lê Hữu T đã thành khẩn khai nhận: Do nợ nần nên ngày 10/4/2017 bị cáo đã mượn xe mô tô BKS 36M5-006.83 nhãn hiệu LEAD của anh Lê Văn K (thuộc sở hữu của chị Lương Thị H là em dâu anh K) đem đi cầm cố thế chấp được 20.000.000 đồng để lấy tiền chi dùng cá nhân; Do không có tiền lấy xe nên bị cáo bỏ trốn và sau đó liên lạc gặp gỡ với bạn gái là Khương Thị T và ngày 04/5/2017 bị cáo tiếp tục mượn chiếc xe mô tô BKS 36L6-029.79 nhãn hiệu SH của chị Khương Thị T đem đi cầm cố thế chấp lấy 47.000.000 đồng chi dùng cá nhân. Đến hẹn không thấy Triệu trả xe nên ngày 26/5/2017 anh K làm đơn tố giác, ngày 02/6/2017 chị T làm đơn tố giác T đến cơ quan điều tra CA huyện Hoằng Hóa. Kết luận định giá trong tố tụng hình sự thể hiện chiếc xe T chiếm đoạt của chị H trị giá 20.000.000 đồng và chiếc xe SH của chị T trị giá 63.000.000 đồng, tổng bằng 83.000.000 đồng. Như vậy Lê Hữu T đã phạm tội với tài sản chiếm đoạt là trên 50.000.000 đồng; Ngày 14/8/2013 bị cáo bị TAND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”, ngày 18/2/2016 bị cáo tiếp tục bị TAND quận Hoàng Mai xử phạt 04 tháng 03 ngày tù cũng về tội “Đánh bạc”, tuy nhiên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của HĐTP TAND Tối cao, thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Lời khai nhận của bị cáo Lê Hữu T tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai nhận tại cơ quan điều tra, trong quá trình tố tụng, phù hợp với toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thống nhất với lời trình bày của người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên HĐXX- TAND huyện Hoàng Hóa đã đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của Lê Hữu T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 140 Bộ luật Hình sự và Cáo trạng của VKSND huyện Hoàng Hóa truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án: Lê Hữu T đã từng bị xét xử về hai lần về hành vi đánh bạc với hình phạt tù nhưng sau khi chấp hành xong bị cáo vẫn bị cuốn theo máu đỏ đen dẫn đến nhiều nợ nần, khi không giải quyết được thì mượn xe để cầm cố thế chấp. Những người cho bị cáo mượn xe là những người thân quen, tin tưởng bị cáo, nhưng bị cáo lợi dụng tình cảm để phục vụ cho mục đích cá nhân của mình và chiếm đoạt tài sản; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào quyền quản lý và sở hữu tài sản của người khác, hành vi này cần phải xử phạt nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự và đối với bị cáo thì phải lên cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, làm gương và răn đe trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo chịu một tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lương Thị H và chị Khương Thị T là chủ sở hữu của hai chiếc xe mô tô do bị cáo chiếm đoạt để cầm cố đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên miễn xét.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã cầm cố hai chiếc xe mô tô để lấy số tiền là tổng 67.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân nên buộc phải trả lại cho anh Lê Trần T 20.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ 47.000.000 đồng.

Anh Lê Trần T và anh Nguyễn Văn Đ không biết bị cáo chiếm đoạt xe của người khác để cầm cố cho mình, nên không xử lý hình sự đối với hai anh là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 04(Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2017.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 589, 590, 591 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lê Hữu T phải bồi thường cho anh Lê Trần T số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và anh Nguyễn Văn Đ 47.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật(đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999, điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Trả lại cho bị cáo 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lê Hữu T.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điểm a, điểm c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Hữu T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Hữu T và anh Lê Trần T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Lương Thị H, chị Khương Thị T, và anh

Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh.
- Viện kiểm sát HH.
- Thi hành án HH.
- UBND xã.
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Phương Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Thu Hoàng Ngọc Năm

Lê Thị Phương Thanh